ĐO LƯỜNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG Ở VIỆT NAM

Lê Quốc Hội
Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: hoilq@neu.edu.vn

Hồ Đình Bảo
Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân
Email: hodinhbao@yahoo.com

Nguyễn Thanh Tùng
Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: thanhtung.wr@gmail.com

Ngày nhận: 20/8/2016
Ngày nhận bản sửa: 20/9/2016
Ngày duyệt đăng: 25/10/2016

Tóm tắt:

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu lần đầu tiên phát triển một phương pháp xây dựng chỉ số tổng hợp nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô của các địa phương ở Việt Nam trong cả nước theo các nhóm chỉ tiêu khác nhau: (i) Kinh tế; (ii) Kinh tế theo định hướng; (iii) Kinh tế-xã hội; và (iv) Kinh tế-xã hội-thể chế. Trên cơ sở phương pháp này, kết quả tính toán cho hiệu quả hoạt động của các địa phương trong cả nước năm 2014 đối với ở các nhóm chỉ tiêu này cho thấy chiến lược phát triển kinh tế xã hội các địa phương là mất cân đối giữa các mục tiêu tăng trưởng và mục tiêu xã hội, thiếu tính bền vững và hài hòa. Nhiều địa phương chủ yếu tập trung theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà bỏ qua các khía cạnh cơ cấu, xã hội và thể chế. Ngược lại, một số địa phương đạt được kết quả tốt về mặt xã hội nhưng lại hạn chế trong tăng trưởng. Điều này đe dọa đến mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế của các địa phương trong dài hạn.

Từ khóa: Hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô, Mô hình ISEPI, Mô hình SBM, lãng phí/thiếu hụt

A measure of Provincial Macroeconomic Performance in Vietnam

Abstract

The study aimed at developing a methodology for constructing a macroeconomic performance index at provincial level for the first time in Vietnam based on 4 groups of measurements: (i) Economic indicators; (ii) oriented economic indicators; (iii) socio-economic indicators; and (iv) economic - social - institutional indicators. Applying the methodology on the 2014 empirical data of all provinces, the findings show that the socio-economic development strategy implemented by those provinces did not provide balanced outcomes between growth and social objectives, sustainability and inclusiveness. Many provinces focused on economic growth at the cost of structural change, equality and institutional transformation. In contrast, many provinces were successful in improving equality but not in growth. Those facts threaten long term development objectives of the provinces.

Keywords: Macroeconomic Performance, ISEPI Model, Slack Based Model (SBM), input/output Slack

1. Giới thiệu

Trong đánh giá hoạt động kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế, các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách thường tập trung vào các khía cạnh như tốc độ tăng trưởng, mức độ ổn định giá, thất nghiệp, và cán cân thương mại. Mỗi một tiêu chí này chỉ thể hiện được một chiều nhất định và có thể có sự đánh đổi giữa các chiều đó trong điều hành chính sách. Các chỉ số phổ biến nhất được sử dụng là: (i) Chỉ số Misery; (ii) Chỉ số Calmfors; và (iii) Magic Diamond.

Ngoài những khía cạnh phổ biến đó trong đánh giá hoạt động kinh tế vĩ mô, trong thời gian gần đây, các nhà nghiên cứu cũng tích hợp thêm một số các chiều căn bản khác như thâm hụt ngân sách (% GDP), chi phí và giá cả, điều kiện lao động và chất lượng cuộc sống, môi trường kinh doanh, tiềm năng thị trường,... để phát triển các chỉ số tổng hợp khác như EPI (Khramov & Lee, 2013) hay ISEPI (López-Tamayo & cộng sự, 2014). Về cơ bản các chỉ số này vẫn được xây dựng dựa trên việc áp đặt trọng số cho các chiều tương ứng một cách chủ quan và cố định giữa các thời kỳ và các quan sát.

Tuy nhiên, điều này là không phù hợp với điều kiện mỗi nền kinh tế trong mỗi giai đoạn với những mục tiêu ưu tiên khác nhau và thậm chí là đánh đổi. Như vậy, việc so sánh giữa các nền kinh tế sẽ gặp rất nhiều khó khăn.

Việc khắc phục tồn tại này có thể thực hiện được thông qua việc xây dựng một chỉ số tổng hợp nhưng không áp đặt trọng số chủ quan cho các chiều đo lường. Điều này có thể đạt được bằng việc áp dụng nguyên lý gán trọng số dựa vào bản chất của số liệu, để số liệu bộc lộ đặc tính thống kê khi xây dựng chỉ tiêu tổng hợp. Khi đó, trọng số của mỗi chỉ tiêu thành phần không còn được xác định một cách chủ quan, mà dựa trên các đặc tính thống kê của từng chuỗi số liệu. Điều này cho phép chỉ tiêu tổng hợp phản ánh chính xác hơn mức độ quan trọng cũng như đóng góp của từng chỉ tiêu thành phần. Trong số những phương pháp dựa trên nguyên tắc này, kỹ thuật quy hoạch tuyến tính với các khái niệm về đường biên (Lovell, 1995) tỏ ra ưu việt hơn cả trong đánh giá hiệu quả kinh tế vĩ mô. Cho đến nay, đã có khá nhiều các nghiên cứu phát triển theo hướng này nhằm xây dựng một chỉ số chung cấp quốc gia. Lovell (1995) sử dụng mô hình FDH (Free disposal hull model) để đánh giá hiệu quả hoạt động vĩ mô của nền kinh tế Đài Loan giai đoạn 1970-1988 trong mối quan hệ tương đối với các nền kinh tế khác. Cũng trên cơ sở mô hình này, Vũ Kim Dũng & cộng sự (2015) đã thực hiện tính toán hiệu quả kinh tế vĩ mô của Việt Nam so với ASEAN +3. Từ đó chỉ ra nguy cơ tụt hậu của Việt Nam so với các nền kinh tế khác trong khu vực.

Tuy nhiên, khi đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô ở cấp độ tỉnh, một số chiều đánh giá sẽ không còn có ý nghĩa, đặc biệt là cán cân thương mại. Điều quan trọng trong tính toán chỉ số đánh giá tổng hợp này là lựa chọn được những chiều phù hợp với mục tiêu mà các chính quyền cấp tỉnh đang theo đuổi. Trên cơ sở khung lý thuyết của Lovell (1995), Sahoo & Acharya (2012) đã lựa chọn 3 chiều để đánh giá hiệu quả hoạt động vĩ mô 22 bang của Ấn Độ: GDP cấp bang; chỉ số giảm phát GDP cấp bang; và cán cân ngân sách bang.

Hiện nay, tại Việt Nam vẫn chưa có bộ chỉ số nào có thể đánh giá một cách khách quan hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô cấp tỉnh. Hai bộ chỉ số được các nhà nghiên cứu sử dụng nhiều bao gồm Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Hiệu quả Quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI). Tuy nhiên, hai bộ chỉ số này mới chỉ phản ánh một chiều kết quả của việc điều hành chính sách vĩ mô ở cấp độ tỉnh. Trong khi PCI đánh giá và xếp hạng các tỉnh trong việc xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho phát triển doanh nghiệp dân doanh, thì PAPI lại tập trung tìm hiểu hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công. Rõ ràng trong việc đánh giá giữa các địa phương thì bộ chỉ số PCI hoàn toàn có ưu thế hơn so với PAPI. Tuy nhiên, PCI không đánh giá được các yếu tố về nguồn lực mà chỉ tập tung vào yếu tố môi trường kinh doanh của các địa phương.

Trong khi đó, việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực về vốn, lao động sẽ dẫn tới hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô cao hơn. Để đánh giá đầy đủ nhất về hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô, chỉ số PCI cũng được xem xét như là một chiều mục tiêu tương tự những chiều mục tiêu về các yếu tố nguồn lực. Đồng thời, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển theo hướng công nghiệp hóa nên mục tiêu mà các địa phương theo đuổi không chỉ bao gồm tăng trưởng cao, ổn định lạm phát, tỷ lệ có việc làm cao, mà còn bao gồm cả những mục tiêu về cơ cấu ngành thay đổi theo hướng tích cực hơn; thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài... Do vậy, việc xây dựng một chỉ số tổng hợp đánh giá hiệu quả hoạt động vĩ mô dựa trên

những chiều mục tiêu theo đuổi của các địa phương tại Việt Nam là vô cùng cần thiết.

Nghiên cứu này áp dụng khung lý thuyết của Lovell (1995) để hình thành về mặt phương pháp luận một hệ thống chỉ tiêu tổng hợp đánh giá kết quả hoạt động của các địa phương ở Việt Nam. Số liệu thực tiễn 2014 chủ yếu được sử dụng để minh họa phương pháp thay vì đi vào đề xuất các chính sách cụ thể. Ngoài phần giới thiệu, nghiên cứu bao gồm 4 phần: (i) Tổng kết các nghiên cứu liên quan; (ii) Mô hình lý thuyết; (iii) Kết quả thực nghiệm; và (iv) Kết luận.

2. Mô hình lý thuyết

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá, so sánh hoạt động kinh tế vĩ mô cấp tỉnh của 63 tỉnh/thành của Việt Nam năm 2014. Do đó, nhóm tác giả thực hiện xây dựng một số chỉ tiêu tổng hợp dựa trên các phương pháp khác nhau nhằm đưa ra một cái nhìn khách quan nhất khi xếp hạng các địa phương.

2.1. Phương pháp bình quân trọng số

Chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động kinh tế của các địa phương theo phương pháp bình quân trọng số được tính toán dựa trên công thức:

$$EPI = \sum_1^n X_i / n$$

Trong đó, n là chỉ tiêu đánh giá, X_i là chỉ tiêu đánh giá thứ i. Các chỉ tiêu này đều được chuẩn hóa về cùng một thang đo [0,7] trước khi đưa vào tính toán để đảm bảo mức độ quan trọng của mỗi biến số là như nhau.

2.2. Chỉ số ISEPI

Chỉ số ISEPI[1] của López-Tamayo & cộng sự (2014) được tính theo công thức:

$$ISEPI = 100(1+1 * [W'*var(Y)*W])$$

$$\text{Với } I = (Z*W)/(W'*R*W)$$

Trong đó: var(Y) là ma trận hiệp phương sai của Y,

$$\text{với } Y_f = \frac{X_f}{\bar{X}_f}$$

X_f là chỉ tiêu đánh giá thứ f

Z là vector các chỉ tiêu đánh giá đã được chuẩn hóa: $Z=(Z_1,Z_2,...Z_k)$

$$\text{với } Z_f = (X_f - \bar{X}_f) / sd(X_f)$$

W là vector trọng số đồng nhất: $W= (Z_1,Z_2,...Z_k)$ với: $Z_1= Z_2=...= Z_k$

R là ma trận tương quan giữa các biến sau khi đã chuẩn hóa.

2.3. Mô hình SBM

Mô hình này dựa trên lập luận cho rằng một DMU chỉ được coi là tối ưu nếu ở DMU này hội tụ cả hai điều kiện: (1) chỉ số hiệu quả truyền thống theo bằng 1 (nằm trên đường biên) và (2) không tồn tại mức lãng phí/thiếu hụt ở bất kỳ một đầu ra nào. Trong mô hình FDH của Lovell (1995) thì hai điều kiện này được phân tích và đưa ra kết luận một cách riêng rẽ.

Mô hình SBM kết hợp cả 2 thông tin về chỉ số hiệu quả truyền thống và mức lãng phí/thiếu hụt đối với mỗi đầu ra thành một thước đo vô hướng để đo lường hiệu quả kinh tế vĩ mô tổng hợp. Trong số đó, Tone (2001 và 2003) và Morita & cộng sự (2005) là những nghiên cứu đầu tiên đo lường hiệu quả sử dụng kỹ thuật SBM trong bài toán DEA. Tone (2001) cho rằng nếu một DMU là hiệu quả trong mô hình FDH truyền thống thì mô hình đó cũng hiệu quả trong mô hình SBM. Như vậy có thể thấy chỉ số hiệu quả trong mô hình SBM chứa đựng nhiều thông tin hơn so với mô hình thông thường. Ví dụ, một DMU có điểm hiệu quả bằng 1 trong mô hình truyền thống có tồn tại lãng phí/thiếu hụt ở một đầu ra nào đó thì trong mô hình SBM, DMU này sẽ có giá trị hiệu quả tương ứng nhỏ hơn 1.

3. Kết quả thực nghiệm

3.1. Lựa chọn chỉ tiêu thành phần

Nghiên cứu này đo lường 4 nhóm chỉ tiêu với các đầu ra khác nhau để đánh giá các khía cạnh kinh tế-xã hội khác nhau của các tỉnh/thành phố: *(i)Tăng trưởng kinh tế (g)* được thu thập từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Báo cáo Kinh tế - Xã hội hàng năm của các địa phương; *(ii) Ổn định giá cả (p)* đo lường mức độ ổn định của giá cả, bằng 1 trừ tỷ lệ lạm phát tính theo chỉ số giá tiêu dùng của các địa phương. Chỉ số giá tiêu dùng được thu thập từ số liệu của Tổng cục Thống kê; *(iii) Mức độ cải thiện việc làm (e)* đo lường tốc độ tăng của tỷ lệ làm việc của dân số từ 15 tuổi trở lên theo Báo cáo Điều tra Lao động việc làm hàng năm của Tổng cục Thống kê; *(iv) Tốc độ chuyển dịch cơ cấu (φ)* được đo lường mức độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong một thời kỳ nhất định; *(v) Cải thiện mức sống dân cư (l)* đo lường chất lượng lượng cuộc sống của người dân các địa phương. Cải thiện mức sống dân cư được đo bằng tốc độ tăng của tỷ lệ hộ trên mức nghèo, hay phần bù của tỷ lệ hộ nghèo với 1; và *(vi) Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)* xếp hạng chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền địa phương trong việc tạo lập môi trường chính sách thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

Trong nghiên cứu này, đầu vào được coi là giống

nhau giữa các địa phương, với giả định rằng các tỉnh đều được áp dụng một cơ chế chính sách từ như nhau do Chính phủ đề ra. Trong các nghiên cứu của Lovell (1995) và Lovell & cộng sự (1995), việc đặt giả định các nước có cùng một đầu vào là cơ chế chính sách giống nhau có thể quá mạnh.

Các đầu ra được chia thành 4 nhóm với mục tiêu đánh giá các khía cạnh khác nhau của hoạt động kinh tế vĩ mô của các tỉnh, bao gồm:

+ Nhóm 1 – nhóm chỉ tiêu kinh tế: g, p, e

+ Nhóm 2 – nhóm chỉ tiêu kinh tế theo định hướng: g, p, e + φ

+ Nhóm 3 – nhóm chỉ tiêu kinh tế-xã hội:g, p, e, φ + l

+ Nhóm 4 – nhóm chỉ tiêu kinh tế-xã hội-thể chế: g, p, e, φ, l + PCI

3.2. Kết quả thực nghiệm

3.2.1. Nhóm chỉ tiêu kinh tế (g, p, e) – mô hình 1

Mô hình 1 xem xét hiệu quả hoạt động của 63 tỉnh/thành dựa trên nhóm chỉ tiêu kinh tế thuần túy: tăng trưởng, ổn định giá và việc làm. Với chỉ ba chiều đưa vào tính toán, không có nhiều sự chênh lệch đáng kể giữa các phương pháp khác nhau, đặc biệt giữa phương pháp bình quân trọng số và chỉ số ISEPI.

- Phương pháp bình quân trọng số

Theo phương pháp này (xem bảng 1), nhóm các

Bảng 1: Xếp hạng hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô các địa phương theo các nhómchỉ tiêu dựa trên phương pháp bình quân trọng số (Năm 2014)

Tỉnh	MH1	MH2	MH3	MH4	Tỉnh	MH1	MH2	MH3	MH4
Hà Tĩnh	1	1	1	1	Sóc Trăng	49	51	54	51
Lào Cai	29	25	9	2	Sơn La	57	56	32	44
Thái Nguyên	2	3	4	3	Thừa Thiên Huế	19	21	30	23
Đà Nẵng	13	17	29	4	TP Hồ Chí Minh	33	42	56	34
Bình Thuận	28	2	6	5	Khánh Hòa	35	37	42	36
Vĩnh Phúc	6	7	15	7	Nam Định	12	14	22	21
Ninh Bình	11	6	13	8	Gia Lai	48	50	38	49
Đồng Tháp	32	30	34	10	Hà Nam	15	19	28	32
Vĩnh Long	4	8	16	11	Thanh Hóa	17	22	20	12
Điện Biên	16	20	2	13	Kiên Giang	25	32	39	28
Tuyên Quang	20	29	7	15	Cần Thơ	27	38	46	40
Bình Phước	3	5	17	17	Tiền Giang	62	63	63	63
Lai Châu	63	27	3	18	Hưng Yên	50	47	50	56
Lạng Sơn	9	9	11	19	Phú Yên	60	61	59	61
Hòa Bình	31	28	18	24	Bình Dương	14	18	35	31
Bắc Kạn	10	13	14	29	Yên Bái	37	43	36	53
Phú Thọ	26	35	33	35	Quảng Ngãi	34	36	31	26
An Giang	51	48	55	55	Bình Định	36	46	44	37
Trà Vinh	46	23	26	22	Quảng Nam	8	11	10	6
Thái Bình	22	16	25	25	Cà Mau	30	41	49	58
Kon Tum	42	12	8	16	Hậu Giang	52	55	57	54
Ninh Thuận	5	4	5	9	Hà Giang	56	58	19	41
Bà Rịa-Vũng Tàu	40	31	40	39	Nghệ An	55	54	43	42
Hải Dương	45	45	47	46	Hà Nội	53	59	61	60
Long An	39	39	51	33	Đồng Nai	21	33	45	50
Tây Ninh	38	26	37	30	Quảng Bình	18	24	24	27
Quảng Ninh	58	53	58	52	Hải Phòng	24	40	52	48
Lâm Đồng	43	15	21	20	Đắk Lắk	54	52	48	45
Cao Bằng	41	44	23	47	Bến Tre	44	49	53	43
Bắc Giang	7	10	12	14	Bạc Liêu	59	60	60	59
					Đắk Nông	47	57	41	57
					Quảng Trị	23	34	27	38
					Bắc Ninh	61	62	62	62

** MH1, 2, 3 và 4 là các mô hình sử dụng với 4 nhóm chỉ tiêu đo lường*

*** Lưu ý: Thứ tự sắp xếp dựa theo kết quả xếp hạng nhóm 4 mô hình SBM*

- Chỉ số ISEPI

Bảng 2: Xếp hạng hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô các địa phương theo các nhómchỉ tiêu dựa trên chỉ số ISEPI (Năm 2014)

Tỉnh	MH1	MH2	MH3	MH4	Tỉnh	MH1	MH2	MH3	MH4
Hà Tĩnh	1	1	1	1	Sóc Trăng	44	49	48	49
Lào Cai	26	26	9	3	Sơn La	56	53	28	40
Thái Nguyên	2	2	3	2	Thừa Thiên Huế	20	27	32	24
Đà Nẵng	15	19	29	5	TP Hồ Chí Minh	28	39	55	32
Bình Thuận	30	3	6	4	Khánh Hòa	35	37	43	36
Vĩnh Phúc	9	11	21	9	Nam Định	8	10	19	19
Ninh Bình	10	7	12	7	Gia Lai	42	46	35	42
Đồng Tháp	39	36	38	14	Hà Nam	13	18	26	30
Vĩnh Long	7	12	23	15	Thanh Hóa	17	24	16	13
Điện Biên	18	25	4	16	Kiên Giang	25	33	39	28
Tuyên Quang	16	23	7	12	Cần Thơ	22	31	40	34
Bình Phước	4	6	15	20	Tiền Giang	61	62	62	63
Lai Châu	62	16	2	10	Hưng Yên	53	48	51	56
Lạng Sơn	11	9	11	22	Phú Yên	60	61	59	60
Hòa Bình	37	28	17	23	Bình Dương	14	20	33	31
Bắc Kạn	12	17	14	35	Yên Bái	29	38	36	52
Phú Thọ	34	40	37	37	Quảng Ngãi	32	35	31	26
An Giang	52	50	56	54	Bình Định	36	47	46	38
Trà Vinh	47	21	20	21	Quảng Nam	5	8	10	6
Thái Bình	23	15	25	25	Cà Mau	33	43	52	58
Kon Tum	40	5	5	11	Hậu Giang	54	56	57	55
Ninh Thuận	3	4	8	8	Hà Giang	57	59	22	43
Bà Rịa-Vũng Tàu	43	34	44	39	Nghệ An	55	55	45	41
Hải Dương	46	45	47	44	Hà Nội	49	57	61	61
Long An	38	30	42	29	Đồng Nai	19	29	41	51
Tây Ninh	31	22	34	27	Quảng Bình	21	32	27	33
Quảng Ninh	58	51	58	48	Hải Phòng	24	44	53	53
Lâm Đồng	48	14	18	18	Đắk Lắk	51	54	50	46
Cao Bằng	41	42	24	50	Bến Tre	45	52	54	47
Bắc Giang	6	13	13	17	Bạc Liêu	59	60	60	59
					Đắk Nông	50	58	49	57
					Quảng Trị	27	41	30	45
					Bắc Ninh	63	63	63	62

** MH1, 2, 3 và 4 là các mô hình sử dụng với 4 nhóm chỉ tiêu đo lường*

*** Lưu ý: Thứ tự sắp xếp dựa theo kết quả xếp hạng nhóm 4 mô hình SBM.*

địa phương dẫn đầu bao gồm Hà Tĩnh (1) và Thái Nguyên (2) với mức tăng trưởng vượt trội trong; Bình Phước (3) và Bắc Kạn (10) với mức giá ổn định; Vĩnh Long (4) và Vĩnh Phúc (6) cải thiện trong việc làm năm 2014. Trong số này, nhiều địa phương có từ hai tiêu chí trở lên đều đạt hiệu quả cao như Hà Tĩnh và Thái Nguyên (tăng trưởng và ổn định giá); Vĩnh Phúc (ổn định giá và cải thiện việc làm);...

Ngược lại, nhóm địa phương đứng cuối bảng xếp hạng lại chỉ đạt số điểm rất thấp như Lai Châu (1,79), Tiền Giang (1,8), Bắc Ninh (2,1), Phú Yên (2,26) và Bạc Liêu (2,54), đồng nghĩa với mức độ hiệu quả hoạt động thấp trên cả ba tiêu chí đánh giá.

Với đặc điểm trọng số như nhau, phương pháp này cho thấy sự đồng đều trong phân bổ điểm hiệu quả hoạt động của các địa phương. Có 31 tỉnh/thành phố có điểm hiệu quả trên mức trung bình 3,666 điểm.

- Chỉ số ISEPI

Xếp hạng dựa trên chỉ số ISEPI (xem bảng 2) không có quá nhiều sự khác biệt so với phương pháp bình quân trọng số. Mức độ chênh lệnh trung bình giữa hai phương pháp này chỉ là 2,3 bậc xếp hạng. Trong đó, khác biệt lớn nhất là 8 bậc xếp hạng tại Yên Bái (hạng 29 so với hạng 37) và Phú Thọ (hạng 34 so với hạng 26). Đồng thời, phân phối điểm hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô bắt đầu thay đổi, khi chỉ còn 28 địa phương có chỉ số ISEPI cao hơn mức

trung bình cả nước là 2,838 điểm.

Trong khi đó, hai nhóm địa phương có hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô tốt nhất và kém nhất không có sự thay đổi so với phương pháp bình quân trọng số. Nhóm dẫn đầu vẫn bao gồm các địa phương như Hà Tĩnh (1), Thái Nguyên (2), Bình Phước (4), Vĩnh Long (7),... với thay đổi thứ hạng không đáng kể. Tương tự, Bắc Ninh, Lai Châu và Tiền Giang vẫn là những địa phương nằm cuối bảng xếp hạng.

- Phương pháp SBM

Với trọng số thay đổi, xếp hạng dựa trên hiệu quả hoạt động trong mô hình SBM (xem bảng 3) có sự thay đổi rõ rệt hơn so với phương pháp bình quân trọng số, với mức chênh lệch trung bình so với phương pháp bình quân trọng số là 9,6 bậc xếp hạng. Đáng chú ý nhất là trường hợp Bắc Kạn và Phú Thọ chỉ xếp hạng 51 và 59 theo phương pháp SBM, trong khi hai địa phương này xếp hạng 10 và 26, tương ứng với mức chênh lệch 41 và 33 bậc xếp hạng. Điều này cho thấy rằng việc Bắc Kạn có một chỉ tiêu đạt hiệu quả vượt trội không đồng nghĩa với việc địa phương này có hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô tốt.

Tuy nhiên, không có nhiều sự khác biệt trong xếp hạng của nhóm dẫn đầu, vốn bao gồm những địa phương vượt trội trên cả hai hoặc ba tiêu chí đánh giá. Ngược lại, ngoài Bạc Liêu (61), An Giang (62)

Bảng 3: Xếp hạng hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô các địa phương theo các nhóm chỉ tiêu dựa trên mô hình SBM (Năm 2014)

Tỉnh	MH1	MH2	MH3	MH4	Tỉnh	MH1	MH2	MH3	MH4
Hà Tĩnh	1	1	1	1	Sóc Trăng	32	32	56	31
Lào Cai	24	22	7	2	Sơn La	29	30	28	32
Thái Nguyên	2	3	4	3	Thừa Thiên Huế	16	29	41	33
Đà Nẵng	10	31	29	4	TP Hồ Chí Minh	31	40	38	34
Bình Thuận	36	2	5	5	Khánh Hòa	39	36	34	35
Vĩnh Phúc	5	5	9	6	Nam Định	11	28	37	36
Ninh Bình	8	10	16	7	Gia Lai	28	34	31	37
Đồng Tháp	60	44	53	8	Hà Nam	17	38	35	38
Vĩnh Long	4	6	10	9	Thanh Hóa	14	47	36	39
Điện Biên	15	27	2	10	Kiên Giang	20	45	42	40
Tuyên Quang	18	52	6	11	Cần Thơ	25	43	39	41
Bình Phước	3	4	11	12	Tiền Giang	38	42	40	42
Lai Châu	47	7	3	13	Hưng Yên	40	24	43	43
Lạng Sơn	33	17	15	14	Phú Yên	45	50	46	44
Hòa Bình	54	14	12	15	Bình Dương	12	48	45	45
Bắc Kạn	51	35	8	16	Yên Bái	23	46	48	46
Phú Thọ	59	26	13	17	Quảng Ngãi	19	39	33	47
An Giang	62	8	14	18	Bình Định	35	56	55	48
Trà Vinh	46	11	26	19	Quảng Nam	9	41	32	49
Thái Bình	49	12	25	20	Cà Mau	34	51	44	50
Kon Tum	22	9	17	21	Hậu Giang	57	58	61	51
Ninh Thuận	7	16	18	22	Hà Giang	56	60	51	52
Bà Rịa-Vũng Tàu	58	20	23	23	Nghệ An	52	53	59	53
Hải Dương	50	21	30	24	Hà Nội	43	55	49	54
Long An	30	19	24	25	Đồng Nai	21	54	47	55
Tây Ninh	27	13	19	26	Quảng Bình	13	37	52	56
Quảng Ninh	44	18	22	27	Hải Phòng	42	57	50	57
Lâm Đồng	53	15	21	28	Đắk Lắk	26	25	58	58
Cao Bằng	48	23	20	29	Bến Tre	37	49	57	59
Bắc Giang	6	33	27	30	Bạc Liêu	61	62	60	60
					Đắk Nông	55	61	54	61
					Quảng Trị	41	59	62	62
					Bắc Ninh	63	63	63	63

** MH1, 2, 3 và 4 là các mô hình sử dụng với 4 nhóm chỉ tiêu đo lường*

*** Lưu ý: Thứ tự sắp xếp dựa theo kết quả xếp hạng nhóm 4 mô hình SBM*

và Bắc Ninh (63), nhóm địa phương có hiệu quả hoạt động thấp nhất bao gồm cả Phú Thọ (59) và Đồng Tháp (60), vốn xếp hạng trung bình theo hai phương pháp đầu tiên.

Ngoài ra, kết quả tính toán cũng cho thấy hiệu quả hoạt động của các địa phương trên phương diện kinh tế là tương đối cao, đạt trung bình 0,961 điểm. Đồng thời, có tới 40 tỉnh/thành có điểm hiệu quả hoạt động cao hơn mức trung bình này.

3.2.2. Nhóm chỉ tiêu kinh tế theo định hướng (g, p, e + φ) – mô hình 2

Việc đưa thêm chỉ tiêu chuyển dịch cơ cấu cho thấy sự thay đổi đáng kể trong kết quả hoạt động kinh tế tại một số địa phương, đặc biệt khi tính toán theo phương pháp SBM. Theo hai phương pháp đầu tiên, chỉ có 5 tỉnh thay đổi nhiều hơn 20 bậc. Mức độ thay đổi trung bình trong xếp hạng giữa khi thêm một tiêu chí theo hai phương pháp đầu tiên lần lượt là 6,3 và 7,5 bậc. Trong khi đó, sự thay đổi trong xếp hạng giữa hai mô hình theo phương pháp SBM trải dài từ giảm 36 bậc tới tăng 54 bậc. Mức độ thay đổi trung bình theo phương pháp này là 17 bậc. Đồng thời, mức độ hiệu quả trung bình cũng như số địa phương trên trung bình giảm nhanh theo phương pháp SBM. Điều này cho thấy rằng chuyển dịch cơ cấu được đánh giá quan trọng hơn so với các chỉ tiêu khác tại nhiều địa phương trên cả nước.

Về cơ bản, cả ba phương pháp đều cho thấy sự tăng hạng nhanh chóng của một số địa phương như Lai Châu, Lâm Đồng, Bình Thuận, Trà Vinh, và Kon Tum. Những địa phương này đều tăng từ trên 20 đến trên 40 bậc xếp hạng theo cả ba phương pháp. Tuy nhiên, trong khi không có nhiều địa phương có xếp hạng giảm mạnh theo phương pháp đầu tiên bình quân trọng số và chỉ số ISEPI, tính toán theo mô hình SBM lại cho thấy một số tỉnh như Bình Dương, Tuyên Quang, Đồng Nai, Thanh Hóa hay Quảng Nam có hiệu quả hoạt động giảm nhanh trong mối tương quan so với các địa phương khác.

- Phương pháp bình quân trọng số

Theo phương pháp này, một số địa phương vẫn nằm trong nhóm dẫn đầu như Hà Tĩnh (1); Thái Nguyên (3); Ninh Thuận (4); Bình Phước (5);... Các chỉ tiêu theo phương diện kinh tế đạt hiệu quả cao kết hợp với tốc độ chuyển dịch cơ cấu ổn định giúp nhóm địa phương này duy trì được vị trí dẫn đầu. Ngược lại, nhóm các địa phương có hoạt động kinh tế vĩ mô kém nhất cũng không có nhiều thay đổi trong xếp hạng: Tiền Giang (63); Bắc Ninh (62); Phú Yên (61); Bạc Liêu (60). Đáng chú ý là sự cải thiện của tỉnh Lai Châu, khi tăng từ hạng 63 theo phương diện kinh tế lên hạng 27 khi đo lường theo phương diện kinh tế theo định hướng.

Đã có 22 địa phương tăng hạng khi xếp hạng dựa trên phương diện kinh tế theo định hướng. Trong đó, Lai Châu, Kon Tum, Lâm Đồng và Bình Thuận là những tỉnh có sự thay đổi thứ bậc ấn tượng nhất, đều tăng từ 26 tới 36 bậc so với xếp hạng trong mô hình 1. Đặc biệt, Bình Thuận là địa phương có sự đột phá lớn khi tăng từ bậc 28 trong phương diện kinh tế lên đến hạng 2.

Ngược lại, khi thêm tiêu chí chuyển dịch cơ cấu, đã có 40 tỉnh có sự suy giảm trong xếp hạng so với mô hình 1. Tuy nhiên, sự thay đổi này là không đáng kể, khi chỉ có bảy tỉnh giảm từ 10 bậc xếp hạng trở lên. Trong đó, Hải Phòng là tỉnh có sự thay đổi lớn nhất, giảm từ hạng 24 lên hạng 40. Một số địa phương có xếp hạng giảm như Đồng Nai (giảm 12 bậc), Cần Thơ, Cà Mau và Quảng Trị (cùng giảm 11 bậc).

Điểm hiệu quả trung bình theo phương pháp bình quân trọng số giảm từ 3,666 điểm theo nhóm chỉ tiêu thứ nhất xuống còn 3,018 điểm theo nhóm chỉ tiêu kinh tế theo định hướng. Tuy nhiên, số địa phương đạt trên trung bình không có sự thay đổi đáng kể nào, giảm từ 31 xuống còn 29 địa phương (tương ứng với 46% số tỉnh/thành trên cả nước).

- Chỉ số ISEPI

Xếp hạng dựa trên chỉ số ISEPI không có nhiều sự khác biệt so với phương pháp bình quân trọng số. Theo đó, nhóm các địa phương bao gồm Hà Tĩnh (1), Thái Nguyên (2), Ninh Thuận (4) hay Bình Phước (6) vẫn dẫn đầu trong bảng xếp hạng. Trong khi đó, Bắc Ninh, Tiền Giang, Phú Yên và Bạc Liêu vẫn nằm là bốn địa phương có hoạt động kinh tế vĩ mô kém nhất theo chỉ số này.

Chỉ có 18 địa phương có sự cải thiện trong bảng xếp hạng theo chỉ số ISEPI. Ngoại trừ 5 địa phương là Lai Châu (tăng 46 bậc), Kon Tum (tăng 35 bậc), Lâm Đồng (tăng 34 bậc), Bình Thuận (tăng 27 bậc) và Trà Vinh (tăng 26 bậc); các địa phương còn lại chỉ có sự thay đổi nhẹ (dưới 10 bậc) so với bảng xếp hạng ISEPI theo phương diện kinh tế. Đáng chú ý, Bình Thuận và Kon Tum đã vươn lên nhóm 10 địa phương dẫn đầu, lần lượt xếp hạng 3 và 5, nhờ có sự chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ trong năm 2014 (14,2° và 10,7°).

Tương tự phương pháp bình quân trọng số, Hải

Phòng là địa phương có sự giảm bậc đáng kể nhất, giảm 20 bậc từ hạng 24 xuống hạng 44 theo phương diện kinh tế theo định hướng. Ngoài ra, có tới 40 địa phương khác có sự suy giảm trong xếp hạng hiệu quả hoạt động, dù mức độ thay đổi là không đáng kể.

Khác với hai phương pháp còn lại, điểm hiệu quả trung bình tính theo chỉ số ISEPI tăng nhẹ khi đưa thêm tiêu chí chuyển dịch cơ cấu. ISEPI trung bình đạt 2,877, tăng nhẹ so với nhóm chỉ tiêu kinh tế thuần túy. Đồng thời, số địa phương hoạt động trên mức trung bình là không thay đổi với 28 địa phương (tương ứng với 44,4%).

- Phương pháp SBM

Thay đổi đáng kể nhất khi đưa thêm tiêu chí chuyển dịch cơ cấu là sự giảm rõ rệt trong điểm hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô. Mức điểm trung bình cả nước giảm từ 0,961 điểm xuống còn 0,859 điểm, đồng thời, chỉ còn 22 địa phương đạt trên mức trung bình (so với 40 địa phương khi xếp hạng theo nhóm chỉ tiêu về kinh tế). Tuy nhiên, cũng giống như hai phương pháp đầu tiên, nhóm địa phương dẫn đầu và nằm cuối bảng xếp hạng theo phương pháp SBM cũng không có nhiều thay đổi khi so sánh giữa hai nhóm tiêu chí.

Ngoại trừ Bình Thuận và Kon Tum, An Giang và Lai Châu cũng là hai địa phương có sự cải thiện lớn trong hoạt động kinh tế vĩ mô, đặc biệt trong chuyển dịch cơ cấu, và vươn lên nhóm dẫn đầu. Theo đó, An Giang và Lai Châu tăng lần lượt từ hạng 62 và 47 lên hạng 8 và 7 khi tính theo phương pháp SBM. Ngoài những địa phương này, Hòa Bình, Bà Rịa – Vũng Tàu, Lâm Đồng, Thái Bình,... đều là những địa phương có sự tăng hạng đáng kể so khi xếp hạng theo nhóm chỉ tiêu kinh tế.

Ngược lại, Bình Dương, Tuyên Quang, Đồng Nai, Thanh Hóa và Quảng Nam là những địa phương có suy giảm trong xếp hạng hoạt động kinh tế lớn nhất, trên 30 bậc. Trong đó, Tuyên Quảng giảm từ hạng 18 xuống hạng 52; Bình Dương và Thanh Hóa lần lượt giảm từ hạng 12 và 14 xuống hạng 48 và 47.

3.2.3. Nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội (g, p, e, φ + l) – mô hình 3

Mô hình 3 bổ sung chỉ tiêu về cải thiện mức sống dân cư nhằm đánh giá khía cạnh kinh tế-xã hội của các địa phương. Cả ba phương pháp đều cho thấy sự thay đổi đáng kể trong thứ bậc xếp hạng của các địa phương khi so sánh với kết quả trong mô hình 2. Theo đó, mức chênh lệch xếp hạng trung bình giữa mô hình 1 và mô hình 2 theo ba phương pháp lần lượt là 7,9 bậc (SBM); 7,1 bậc (bình quân trọng số) và 6,7 (ISEPI). Tuy nhiên, trong khi sự thay đổi này khá tương đồng giữa phương pháp bình quân trọng số và chỉ số ISEPI, mô hình SBM lại không cho thấy điều tương tự.

- Phương pháp bình quân trọng số

Khi đưa thêm chỉ tiêu về cải thiện mức sống dân cư, một số địa phương như Vĩnh Phúc (15), Vĩnh Long (16) hay Bình Phước (17) không còn duy trì được vị trí trong nhóm dẫn đầu như trong mô hình 2. Trong khi đó, những địa phương có mức giảm nghèo nhanh chóng đã vươn lên dẫn đầu là Điện Biên (2, tăng 18 bậc) và Lai Châu (3, tăng 24 bậc). Ngoài ra, một số địa phương vùng núi phía Bắc cũng cải thiện được hiệu quả hoạt động khi xếp hạng dựa trên phương diện kinh tế - xã hội như Hà Giang (19, tăng 39 bậc); Sơn La (32, tăng 24 bậc), Tuyên Quang (7, tăng 22 bậc) hay Cao Bằng (23, tăng 21 bậc). Đây đều là những tỉnh thuộc khu vực Trung du và miền núi phía Bắc với xuất phát điểm của tỷ lệ hộ nghèo rất cao, do đó, những kết quả tích cực từ nỗ lực xóa đói giảm nghèo giúp cải thiện rõ rệt trong đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế xã hội.

Dù mức độ cải thiện mức sống dân cư không thực sự ấn tượng, nhóm địa phương có từ hai chỉ tiêu trở lên vượt trội như Hà Tĩnh, Thái Nguyên, Ninh Thuận và Bình Thuận vẫn duy trì được vị trí dẫn đầu của mình. Ngược lại, nhóm nằm cuối bảng xếp hạng vẫn bao gồm Tiền Giang (63), Bắc Ninh (62), Hà Nội (59) và Bạc Liêu (60) do không có sự bứt phá nào trong việc xóa đói giảm nghèo. Trong khi đó, dù có tới 37/63 tỉnh thành có thứ hạng suy giảm, mức độ thay đổi lại không đáng kể. Bình Dương (35) là tỉnh có mức tụt hạng lớn nhất, chủ yếu do tỷ lệ hộ nghèo đã rất thấp và không thể cải thiện được nữa, cũng chỉ giảm 17 bậc so với mô hình 2. Điều này cũng cho thấy sự hạn chế khi tính theo phương pháp bình quân trọng số, khi trọng số của mỗi chỉ tiêu không phản ánh đúng mức độ quan tâm của các địa phương dành cho chỉ tiêu đó trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Điểm hiệu quả hoạt động trung bình theo mô hình này giảm từ 3,018 trong mô hình 2 xuống còn 2,911 trong mô hình 3. Đồng thời, số địa phương đạt mức trên trung bình cũng chỉ còn 27 địa phương, thay vì 31 và 29 địa phương trong mô hình 1 và mô hình 2.

- Chỉ số ISEPI

Kết quả xếp hạng dựa trên chỉ số ISEPI một lần nữa cho thấy sự tương đồng với phương pháp bình

quân trọng số, khi mà không có nhiều sự khác biệt trong xếp hạng giữa hai phương pháp này. Theo đó, sự cải thiện mạnh mẽ nhất trong hiệu quả hoạt động khi đưa thêm tiêu chí về xã hội thuộc về các tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Cụ thể, Lai Châu (2), Điện Biên (4), Tuyên Quang (7) và Lào Cai (9) đều nằm trong nhóm 10 tỉnh đứng đầu với mức tăng hạng lần lượt là 14, 21, 16 và 17 bậc. Trong khi đó, Hà Giang (22), Sơn La (28) và Cao Bằng (24) đều cải thiện mạnh mẽ, với mức tăng lần lượt là 37, 25 và 18 bậc so với mô hình 2. Ngược lại, Thành phố Hồ Chí Minh (55) và Bình Dương (33) là hai địa phương có mức tụt hạng cao nhất, chủ yếu do không thể cải thiện hơn nữa chỉ tiêu xóa đói giảm nghèo.

Hà Tĩnh và Thái Nguyên duy trì nhóm dẫn đầu trong khi Bạc Liêu, Hà Nội, Tiền Giang, và Bắc Ninh là bốn địa phương có mức hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội thấp nhất. Chỉ số ISEPI trung bình cả nước tiếp tục có cải thiện nhẹ, khi tăng lên 2,997 điểm, và giữ nguyên số địa phương đạt hiệu quả trên trung bình là 28 địa phương.

- Phương pháp SBM

Xếp hạng hiệu quả hoạt động dựa trên mô hình SBM tỏ ra ưu việt hơn khi không áp dụng một trọng số cố định nào cho các biến số. Điều này giúp cho những địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh (38) hay Bình Dương (45) vẫn có sự cải thiện nhẹ trong hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội, dù cho tỷ lệ hộ nghèo gần như không thay đổi tại những địa phương này. Rõ ràng là với tỷ lệ hộ nghèo thấp, Hồ Chí Minh hay Bình Dương sẽ không còn coi việc cải thiện mức sống dân cư là mục tiêu quan trọng như những chỉ tiêu khác như tăng trưởng hay ổn định giá cả.

Đồng thời, phương pháp SBM cũng cho thấy rõ một số địa phương coi trọng hơn mục tiêu xóa đói giảm nghèo như An Giang (mô hình SBM: 14/63; bình quân trọng số: 55/63) hay Quảng Ninh (SBM: 22/63; bình quân trọng số: 58/63). Trong khi đó, dù có xếp hạng cao theo phương pháp bình quân trọng số, Hà Giang hay Quảng Trị lại chỉ đạt mức hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội tương đối thấp theo mô hình SBM, lần lượt xếp hạng 51 và 62.

So sánh với mô hình 2, Đắk Lắk (58), Sóc Trăng (56) và Hưng Yên (43) là những địa phương có sự giảm bậc lớn nhất, lần lượt giảm 33, 24 và 19 bậc xếp hạng. Ngược lại, Tuyên Quang (6), Bắc Kạn (8) và Điện Biện (3) có mức cải thiện đáng kể nhất với 46, 27 và 25 bậc xếp hạng tăng lên.

Xét trên tổng thể, có tới 32 tỉnh/thành tăng hạng trong khi chỉ có 29 tỉnh/thành giảm hạng so với mô hình 2. Đồng thời, chỉ có hai tỉnh không đổi thứ hạng là Hà Tĩnh và Bắc Ninh – hai tỉnh giữ vị trí đầu tiên và cuối cùng trong bảng xếp hạng. Theo đó, có 25 tỉnh/thành có điểm hiệu quả hoạt động kinh tế - xã hội cao hơn mức trung bình 0,8873, tăng nhẹ so với mô hình 2.

3.2.4. Nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội – thể chế (g, p, e, φ, l + PCI) – mô hình 4

Chỉ tiêu tổng hợp cuối cùng phản ánh một cách toàn diện các tiêu chí kinh tế, xã hội và thể chế ở các địa phương và được kỳ vọng là sẽ phản ánh tính dài hạn, bền vững và hài hòa của tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương. Tương tự như trong mô hình 3, việc đưa thêm xếp hạng PCI vào trở thành biến đầu ra làm thay đổi tương đối thứ tự xếp hạng giữa các tỉnh. Đồng thời, dù có sự chênh lệch giữa xếp hạng theo phương pháp SBM và hai phương pháp còn lại, cả ba phương pháp đều cho thấy sự vượt trội hơn cả trong điểm hiệu quả hoạt động tại hai địa phương là Đà Nẵng và Đồng Tháp.

- Phương pháp bình quân trọng số

Với việc đưa biến PCI thành một chỉ tiêu so sánh, những địa phương có điểm số PCI cao nhất đã vươn lên nhóm dẫn đầu như Lào Cai (2, tăng 7 bậc), Đà Nẵng (4, tăng 25 bậc) và Đồng Tháp (10, tăng 24 bậc). Trong khi đó, nếu chỉ so sánh với nhóm chỉ tiêu kinh tế - xã hội, Lai Châu (18), Điện Biên (13) và Tuyên Quang (15) lại không duy trì được vị trí dẫn đầu của mình. Đặc điểm này cũng có thể nhận thấy tại các tỉnh khác của khu vực miền núi phía Bắc như Bắc Kạn (29, hạ 15 bậc), Hà Giang (41, hạ 22 bậc), Cao Bằng (47, hạ 24 bậc), Yên Bái (53, hạ 17 bậc).

So sánh cả với ba mô hình trước, chỉ có duy nhất ba địa phương duy trì được vị trí trong nhóm 10 tỉnh dẫn đầu là Hà Tĩnh (1), Thái Nguyên (3) và Bình Thuận (5). Đây là những địa phương vừa có sự phát triển hài hòa ở phương diện kinh tế - xã hội, vừa có những thay đổi tích cực trong thể chế giúp cải thiện môi trường kinh doanh, được các doanh nghiệp đánh giá cao. Trong khi đó, nhóm nằm cuối bảng xếp hạng hầu như không có sự thay đổi: Tiền Giang (63), Bắc Ninh (62), Phú Yên (61) và Bạc Liêu (59).

Mức thay đổi xếp hạng trung bình giữa mô hình 3 và mô hình 4 là 6,5 bậc xếp hạng, trong đó có 22 tỉnh giảm hạng (trong đó giảm nhiều nhất là 24 hạng), 34 tỉnh tăng hạng (trong đó tăng nhiều nhất là 25 hạng) và 6 tỉnh giữ nguyên xếp hạng. Điểm hiệu quả hoạt động

trung bình theo phương pháp này là 2,973 (tăng so với mức 2,911 của mô hình 3). Đồng thời, có 23/63 tỉnh (giảm so với mức 27 tỉnh của mô hình 3) có hiệu quả hoạt động trên mức điểm trung bình này.

- Chỉ số ISEPI

Theo chỉ số ISEPI, điểm hiệu quả trung bình của cả nước là 2,981 điểm, giảm nhẹ so với mức 2,997 của mô hình 3, với 29 địa phương có điểm hiệu quả cao hơn mức trung. So với mô hình 3, mức thay đổi thứ tự xếp hạng trung bình là 6,5 bậc, trong đó có 25 tỉnh giảm hạng (mức giảm nhiều nhất là 26 bậc với tỉnh Cao Bằng), 30 tỉnh tăng hạng (mức tăng nhiều nhất là 24 bậc của Đồng Tháp và Đà Nẵng) và 8 tỉnh có xếp hạng không thay đổi.

Xếp hạng theo chỉ số ISEPI và phương pháp bình quân trọng số không có nhiều sự khác biệt, với nhóm dẫn đầu Hà Tĩnh (1), Thái Nguyên (2), Lào Cai (3), Bình Thuận (4) và Đà Nẵng (5). Trong khi đó, Bạc Liêu (59), Phú Yên (61), Bắc Ninh (62) và Tiền Giang (63) là những địa phương có hiệu quả hoạt động kinh tế kém tại tất cả các khía cạnh và nằm trong nhóm 5 địa phương kém nhất trong cả 4 mô hình.

- Phương pháp SBM

Trong mô hình xem xét đầy đủ các khía cạnh kinh tế xã – hội – thể chế, ngoài thông tin về xếp hạng các địa phương, mô hình SBM còn cho biết mức độ quan trọng của chỉ tiêu về PCI đối với các địa phương. Đối với những địa phương đánh giá mục tiêu cải thiện PCI là quan trọng, việc thêm biến số này sẽ khiến xếp hạng trong SBM thay đổi nhiều hơn so với khi sử dụng phương pháp bình quân trọng số. Sóc Trăng (31) đã tăng 25 hạng so với mô hình 3 khi xếp hạng theo phương pháp SBM, trong khi đó, địa phương này chỉ xếp hạng 51 và tăng 3 hạng khi sử dụng phương pháp bình quân trọng số. Ngược lại, Quảng Nam (49) đã giảm 17 hạng so với mô hình 3 khi sử dụng phương pháp SBM, và xếp hạng 6 (tăng 4 hạng) khi sử dụng phương pháp bình quân trọng số. Điều này cho thấy rằng trong trường hợp của Sóc Trăng, PCI ở mức trung bình khiến xếp hạng theo phương pháp bình quân trọng số không có nhiều cải thiện. Tuy nhiên, tính toán theo mô hình SBM cho thấy Sóc Trăng tập trung nhiều hơn vào các chỉ tiêu khác hơn là PCI, nhờ đó mà xếp hạng hiệu quả hoạt động đã tăng lên đáng kể.

So với cùng phương pháp ở mô hình 3, thay đổi trung bình trong xếp hạng các địa phương là 4,6 bậc xếp hạng. Trong đó có 33 tỉnh giảm hạng, 21 tỉnh tăng hạng và 9 tỉnh giữ nguyên thứ hạng. Nhóm dẫn đầu theo phương pháp này vẫn gồm Hà Tĩnh, Lào Cai, Thái Nguyên, Đà Nẵng và Bình Thuận nhưng trong hai phương pháp đầu. Đồng thời, không có sự thay đổi lớn nào trong nhóm xếp cuối bảng xếp hạng so với mô hình 3.

Theo phương pháp này, điểm hiệu quả hoạt động trung bình của các địa phương đạt 0,9144 điểm (cao hơn mức 0,8873 trong mô hình 3). Cùng với đó, có 29 địa phương đạt hiệu quả hoạt động cao hơn mức trung bình cả nước, nhiều hơn một địa phương so với mô hình 3.

4. Kết luận

Bằng việc sử dụng các phương pháp khác nhau, nghiên cứu này lần đầu tiên phát triển một phương pháp xây dựng chỉ số tổng hợp nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô của các địa phương trong cả nước. Nghiên cứu thực hiện tính toán thực nghiệm cho kết quả hoạt động của các địa phương năm 2014 và đưa ra bảng xếp hạng tương ứng với 4 nhóm chỉ tiêu khác nhau.

Kết quả tính toán dựa trên phương pháp bình quân trọng số và chỉ số ISEPI cho thấy kết quả khá tương đồng trong việc xếp hạng hoạt động kinh tế xã hội các địa phương. Tuy nhiên, cả hai phương pháp này đều không cho thấy được mức độ quan trọng của mỗi chỉ tiêu đối các địa phương khác nhau. Trong khi đó, việc so sánh xếp hạng giữa mô hình SBM và hai mô hình còn lại cho thấy rằng chiến lược phát triển kinh tế xã hội các địa phương là mất cân đối giữa các mục tiêu tăng trưởng và mục tiêu xã hội, thiếu tính bền vững và hài hòa. Việc đưa thêm một tiêu chí mới (về CDCC, cải thiện mức sống, hay PCI) đã làm thay đổi đáng kể thứ hạng của các địa phương này so với mô hình trước đó.

Nhiều địa phương chủ yếu tập trung theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế mà bỏ qua các khía cạnh cơ cấu, xã hội và thể chế. Ngược lại, nhiều địa phương đạt được kết quả tốt về mặt xã hội nhưng lại hạn chế trong tăng trưởng. Điều này đe dọa đến mục tiêu tăng trưởng và phát triển kinh tế của các địa phương trong dài hạn.

Nghiên cứu này là nỗ lực đầu tiên hướng đến việc xây dựng một hệ thống các chỉ tiêu tổng hợp phản ánh hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô cấp địa phương ở Việt Nam. Do đó, các nội dung liên quan đến việc sử dụng kết quả xếp hạng trong việc đề xuất các chính sách chưa được khai thác. Tuy nhiên, thông qua kết quả này ta có thể chỉ ra những mặt còn yếu kém cần cải thiện cũng như những ưu tiên về mặt chính sách của mỗi địa phương để qua đó nâng cao hiệu quả tổng hợp.

Ghi chú:

1. Chỉ số ISEPI sau khi tính toán sẽ được chuẩn hóa về thang đo [0,7] để thuận tiện hơn cho việc đánh giá và so sánh.

Tài liệu tham khảo

Khramov, V. & Lee, J.R. (2013), *The Economic Performance Index (EPI): An Intuitive Indicator for Assessing a Country's Economic Performance Dynamics in an Historical Perspective*, IMF Working Paper.

López-Tamayo, J., Ramos, R. & Suriñach-i-Caralt, J. (2014), *An Institutional, Social and Economic Performance Index (ISEPI) with an application to the European Neighbourhood Policy*, No. 201423, University of Barcelona, Research Institute of Applied Economics, Barcelona.

Lovell, C.A.K. (1995), 'Measuring the macroeconomic performance of the Taiwanese economy', *International Journal of Production Economics*, 39(1), 165–178.

Lovell, C.A.K., Pastor, J.T. & Turner, J.A. (1995), 'Measuring macroeconomic performance in the OECD: A comparison of European and non-European countries', *European Journal of Operational Research*, 87(1), 507–518.

Morita, H., Hirokawa, K. & Zhu, J. (2005), 'A slack-based measure of efficiency in context-dependent data envelopment analysis', *Omega*, 33(4), 357-362.

Sahoo, B.K. & Acharya, D. (2012), 'Constructing macroeconomic performance index of Indian states using DEA', *Journal of Economic Studies*, 39(1), 63-83.

Tone, K. (2001), 'A slacks-based measure of efficiency in data envelopment analysis', *European journal of operational research*, 130(3), 498-509.

Tone, K. (2003), *Dealing with undesirable outputs in DEA: A slacks-based measure (SBM) approach*, GRIPS Research Report Series, Tokyo.

Vũ Kim Dũng, Hồ Đình Bảo & Nguyễn Thanh Tùng (2015), 'Đo lường hiệu quả hoạt động kinh tế vĩ mô - Nguy cơ tụt hậu của Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 217, 20-28.